

Số: 444/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1343/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Cục, Vụ, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (02).MC

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG****Trần Lưu Quang**



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Hành động thực hiện Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự
đến năm 2030 và những năm tiếp theo
(Kèm theo Quyết định số 444/QĐ-TTg
ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa nội dung Quyết định số 1343/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo làm cơ sở cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương triển khai thực hiện bảo đảm thống nhất, đồng bộ, đặt trong tổng thể Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, kết hợp chặt chẽ với các chiến lược chuyên ngành liên quan.

2. Yêu cầu

Bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm hiệu quả.

II. NỘI DUNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

A. Giai đoạn 1 đến năm 2025, tập trung vào nhiệm vụ chính:

1. Tổ chức lại Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia trên cơ sở các Ban Chỉ đạo cấp quốc gia: Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia; Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai; Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn.

2. Kiện toàn, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, cơ chế lãnh đạo, chỉ huy điều hành phòng thủ dân sự từ trung ương đến địa phương và các cơ quan, đơn vị, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, tinh, gọn, hiệu quả.

3. Rà soát, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan bảo đảm phù hợp với Luật Phòng thủ dân sự và thực tiễn.

4. Rà soát, hoàn thiện hệ thống kế hoạch phòng thủ dân sự bảo đảm phù hợp thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội ngành, lĩnh vực của cả nước và địa phương; bảo đảm thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu thiệt hại do sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh.

5. Bồi dưỡng kiến thức phòng thủ dân sự, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo cho cấp ủy đảng; năng lực quản lý, chỉ huy, điều hành hoạt động phòng thủ dân sự cho cán bộ lãnh đạo các cấp chính quyền địa phương; nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức về phòng thủ dân sự cho đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ thông tin, truyền thông tại các bộ, ngành trung ương, địa phương.

6. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các lực lượng và Nhân dân trong phòng thủ dân sự; phổ biến cho Nhân dân kỹ năng cần thiết để biết tự bảo vệ trước sự cố, thảm họa và chung tay bảo vệ cộng đồng.

7. Rà soát, kiện toàn tổ chức lực lượng phòng thủ dân sự từ trung ương đến địa phương, bảo đảm thống nhất, tinh gọn, hiệu quả; xây dựng cơ chế điều hành hoạt động phòng thủ dân sự phù hợp cơ cấu tổ chức, khả năng bảo đảm và đặc điểm loại hình sự cố, thiên tai.

8. Triển khai các chương trình, đề án, chiến lược ngành đã được phê duyệt; ưu tiên nguồn lực, tập trung hoàn thành các công trình thiết yếu ở các khu vực có nguy cơ rủi ro thiên tai cao; triển khai thành lập và đưa vào hoạt động Quỹ phòng thủ dân sự trung ương, Quỹ phòng thủ dân sự địa phương.

9. Rà soát, thúc đẩy ký kết các thỏa thuận khung hợp tác quốc tế về phòng thủ dân sự nhằm trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ thông tin, ứng dụng khoa học kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực phòng thủ dân sự và sẵn sàng đưa lực lượng, phương tiện tham gia hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa trong khu vực và quốc tế.

B. Giai đoạn 2 từ năm 2025 đến năm 2030 và những năm tiếp theo:

1. Tiếp tục hoàn thiện phương thức, nội dung thông tin tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả chiến tranh, sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh cho cộng đồng.

2. Tập trung đầu tư cho lực lượng chuyên trách đủ sức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đặc biệt đối với các loại hình sự cố, thiên tai, có nguy cơ cao; chú trọng nâng cao năng lực cho lực lượng tại chỗ, bảo đảm thực hiện tốt phương châm “bốn tại chỗ”.

3. Tăng cường huấn luyện, tập huấn, diễn tập thực nghiệm các vấn đề mới, phức tạp để nghiên cứu, rút kinh nghiệm, làm cơ sở hoàn thiện các phương án ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa, thiên tai, đồng thời nâng cao năng lực chỉ huy điều hành cho cán bộ các cấp, nâng cao kỹ năng cho lực lượng chuyên trách, kiêm nhiệm.

4. Tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án trọng điểm về phòng thủ dân sự quốc gia. Hoàn thành xây dựng hệ thống công trình phòng thủ dân sự tại các khu vực rủi ro thiên tai cao; đăng ký, thống kê hệ thống công trình lưỡng dụng, sẵn sàng trưng dụng cho nhiệm vụ phòng thủ dân sự khi có tình huống.

5. Hoàn thiện phương án, kế hoạch khai thác, sử dụng công trình ngầm; xây dựng tiêu chí về phòng thủ dân sự đối với các công trình ngầm, công trình trọng điểm, các chương trình quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội để từng bước nâng cao năng lực phòng ngừa thảm họa chiến tranh.

6. Đa dạng hóa nguồn lực để phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh và chiến tranh; tăng cường nguồn lực dự trữ quốc gia các mặt hàng thiết yếu, chiến lược, bảo đảm cho nhiệm vụ phòng thủ dân sự; nhân rộng mô hình các đội xung kích ở cơ sở, phát triển lực lượng tình nguyện viên trong tuyên truyền, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai, dịch bệnh.

7. Duy trì, thúc đẩy hợp tác quốc tế về phòng thủ dân sự, triển khai các thỏa thuận hợp tác, chuyển giao ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ, đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực phòng thủ dân sự.

8. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào hoạt động phòng thủ dân sự, tập trung nâng cao năng lực giám sát, cảnh báo, dự báo thiên tai, thảm họa; nâng cao năng lực sản xuất trang thiết bị phòng thủ dân sự, tạo bước đột phá trong năng lực ứng phó sự cố, thiên tai, dịch bệnh, hậu quả chiến tranh.

9. Sơ kết, tổng kết và nghiên cứu bổ sung, phát triển lý luận về phòng thủ dân sự.

(Chi tiết các nhiệm vụ, giải pháp theo Phụ lục kèm theo)

III. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của các bộ, ngành và địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước.

2. Các bộ, ngành và địa phương chủ động bố trí, huy động các nguồn vốn khác ngoài ngân sách từ các nhà tài trợ, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện Kế hoạch; sắp xếp các nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên, bảo đảm hiệu quả, hiệu lực và tiết kiệm theo đúng quy định của nhà nước.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo để triển khai, tổ chức thực hiện bảo đảm hiệu quả, đúng quy định; kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện các vấn đề bất cập để có giải pháp tháo gỡ, khắc phục và phản ánh về Bộ Quốc phòng để hướng dẫn hoặc tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Bộ Quốc phòng giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tổng hợp, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá và đôn đốc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai thực hiện; tổ chức tổng kết Kế hoạch vào cuối kỳ (năm 2030), định hướng nhiệm vụ, giải pháp sau năm 2030.



Phụ lục
DANH MỤC NHIỆM VỤ
THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA PHÒNG THỦ DÂN SỰ
ĐẾN NĂM 2030 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO
(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 444 /QĐ-TTg
ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

| TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | | | Sản phẩm nhiệm vụ |
|----|---|---------------------------|------------------|----------------------------|---------------------------|----------------------------|--|
| | | | | Giai đoạn 1 (đến năm 2025) | Giai đoạn 2 (2026 - 2030) | Giai đoạn 3 (sau năm 2030) | |
| I | KIỆN TOÀN, HOÀN THIỆN CƠ CHẾ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH PHÒNG THỦ DÂN SỰ | | | | | | |
| 1 | Tổ chức lại Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia trên cơ sở các Ban Chỉ đạo cấp quốc gia: Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia; Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai; Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn. | Bộ Quốc phòng | Các bộ, ngành | Tháng 6/2024 | | | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 2 | Ban hành mới Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia. | Bộ Quốc phòng | Các bộ, ngành | Tháng 6/2024 | | | Quyết định của Trưởng Ban Chỉ đạo |
| 3 | Kiện toàn Ban chỉ huy phòng thủ dân sự các bộ, ngành, địa phương. | Các bộ, ngành, địa phương | Bộ Quốc phòng | Tháng 8/2024 | | | Quyết định của Bộ trưởng, Chủ tịch UBND các cấp |
| 4 | Ban hành mới Quy chế hoạt động của Ban chỉ huy phòng thủ dân sự các bộ, ngành, địa phương. | Các bộ, ngành, địa phương | Bộ Quốc phòng | Tháng 8/2024 | | | Quyết định của Trưởng Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp |

| TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | | | Sản phẩm nhiệm vụ |
|-----------|---|---|---------------------------------------|----------------------------|---------------------------|----------------------------|---|
| | | | | Giai đoạn 1 (đến năm 2025) | Giai đoạn 2 (2026 - 2030) | Giai đoạn 3 (sau năm 2030) | |
| 5 | Rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong phòng thủ dân sự. | Các bộ, ngành, địa phương chủ trì theo lĩnh vực quản lý | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | x | x | | Quyết định của Bộ trưởng, Chủ tịch UBND các cấp |
| 6 | Xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy trình ứng phó các loại hình sự cố, thảm họa, thiên tai. | Các bộ, ngành, địa phương chủ trì theo lĩnh vực quản lý | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | x | x | | Quyết định của Bộ trưởng, Chủ tịch UBND các cấp |
| II | HOÀN THIỆN HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH VỀ PHÒNG THỦ DÂN SỰ | | | | | | |
| 1 | Xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự. | Bộ Quốc phòng | Bộ Tư pháp, các bộ, ngành liên quan | Tháng 5/2024 | | | Nghị định |
| 2 | Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền hoặc đề nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành bảo đảm đồng bộ với Luật Phòng thủ dân sự. | Các bộ, ngành, địa phương | Bộ Tư pháp, các bộ, ngành, địa phương | Thường xuyên | | | Ban hành các văn bản theo thẩm quyền hoặc đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành |
| 3 | Ban hành các quy chuẩn về môi trường trong các hoạt động kinh tế - xã hội nhằm phòng ngừa thảm họa xảy ra. | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Các bộ, ngành liên quan | | x | | Quyết định của Bộ trưởng |

| TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | | | Sản phẩm nhiệm vụ |
|------------|--|--|---------------------------|----------------------------|---------------------------|----------------------------|--------------------------|
| | | | | Giai đoạn 1 (đến năm 2025) | Giai đoạn 2 (2026 - 2030) | Giai đoạn 3 (sau năm 2030) | |
| 4 | Xây dựng bộ tiêu chí về năng lực phòng ngừa thảm họa chiến tranh đối với các công trình lớn, trọng điểm. | Bộ Quốc phòng | Các bộ, ngành, liên quan | | x | | Thông tư |
| 5 | Rà soát, ban hành quy định về trang phục cho các lực lượng phòng thủ dân sự chuyên trách. | Các bộ, ngành có lực lượng chuyên trách | Các bộ, ngành liên quan | x | | | Quyết định của Bộ trưởng |
| III | THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN, NÂNG CAO NHẬN THỨC, KIẾN THỨC CHO CÁC LỰC LƯỢNG VÀ NHÂN DÂN TRONG PHÒNG THỦ DÂN SỰ | | | | | | |
| 1 | Lồng ghép nội dung kiến thức phòng thủ dân sự vào chương trình, môn học giáo dục quốc phòng và an ninh giảng dạy trong các nhà trường, cơ sở giáo dục từ cấp trung học phổ thông trở lên. | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, ngành, địa phương | | x | | Đề án cấp bộ |
| 2 | Phổ biến Luật Phòng thủ dân sự và văn bản liên quan cho các cơ quan trung ương và UBND cấp tỉnh. | Bộ Quốc phòng | Các bộ, ngành, địa phương | Thường xuyên | | | Kế hoạch của bộ |
| 3 | Phổ biến pháp luật về phòng thủ dân sự và các văn bản liên quan cho cộng đồng. | Ủy ban nhân dân các cấp; cơ quan thông tấn báo chí | Bộ Quốc phòng | Thường xuyên | | | Kế hoạch của địa phương |
| 4 | Bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức về phòng thủ dân sự cho đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ thông tin, truyền thông tại các bộ, ngành trung ương, địa phương. | Thông tin và Truyền thông, các bộ, ngành | Các bộ, ngành liên quan | Thường xuyên | | | Kế hoạch của bộ |

| TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | | | Sản phẩm nhiệm vụ |
|-----------|---|--|-------------------------------------|----------------------------|---------------------------|----------------------------|---|
| | | | | Giai đoạn 1 (đến năm 2025) | Giai đoạn 2 (2026 - 2030) | Giai đoạn 3 (sau năm 2030) | |
| 5 | Phát hành các ấn phẩm, biên soạn các tài liệu, chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả chiến tranh, sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh cho các đối tượng. | Các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan thông tấn, báo chí | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | Thường xuyên | | | Ấn phẩm, tài liệu của các bộ, ngành, địa phương liên quan |
| 6 | Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện có hiệu quả Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030” (theo Quyết số 533/QĐ-TTg ngày 06/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ). | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các bộ, ngành, địa phương | x | x | | Hướng dẫn của bộ |
| 7 | Đổi mới hình thức thông tin tuyên truyền; tăng cường thời lượng phát sóng, tin bài các nội dung liên quan phòng thủ dân sự trên các phương tiện thông tin đại chúng. | Bộ Thông tin và Truyền thông, các cơ quan thông tấn, báo chí | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | Thường xuyên | | | Chương trình của Bộ Thông tin và Truyền thông, các cơ quan thông tấn, báo chí |
| IV | XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ | | | | | | |
| 1 | Rà soát, kiện toàn tổ chức biên chế lực lượng phòng thủ dân sự chuyên trách, kiêm nhiệm. | Các bộ, ngành | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | Thường xuyên | | | Đề án của các bộ, ngành, địa phương |

| TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | | | Sản phẩm nhiệm vụ |
|----------|--|---------------------------|---|----------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------|
| | | | | Giai đoạn 1 (đến năm 2025) | Giai đoạn 2 (2026 - 2030) | Giai đoạn 3 (sau năm 2030) | |
| 2 | Triển khai đầu số 112 phục vụ hoạt động phòng thủ dân sự. | Bộ Quốc phòng | Bộ Thông tin và Truyền thông, các bộ, ngành, địa phương liên quan | x | | | Đề án của Bộ Quốc phòng |
| 3 | Kiên toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động các tổ chức hỗ trợ quản lý thiên tai, thảm họa; các cơ sở đào tạo, huấn luyện về phòng thủ dân sự. | Các bộ, ngành, địa phương | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | Thường xuyên | | | Đề án của các bộ, ngành, địa phương |
| 4 | Nhân rộng mô hình đội xung kích ở cơ sở, phát triển lực lượng tình nguyện viên trong công tác tuyên truyền, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh. | Các bộ, ngành, địa phương | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | Thường xuyên | | | Đề án của các bộ, ngành, địa phương |
| 5 | Nghiên cứu thí điểm xã hội hóa hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả một số sự cố đặc thù theo mô hình cung cấp dịch vụ. | Các bộ, ngành, địa phương | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | | x | | Đề án của các bộ, ngành, địa phương |
| V | RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH PHÒNG THỦ DÂN SỰ CÁC CẤP | | | | | | |
| 1 | Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phòng thủ dân sự các cấp. | Bộ Quốc phòng | Các bộ, ngành, địa phương | x | | | Hướng dẫn của Bộ Quốc phòng |

| TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | | | Sản phẩm nhiệm vụ |
|----|---|---------------------------|-------------------------------------|----------------------------|---------------------------|----------------------------|--|
| | | | | Giai đoạn 1 (đến năm 2025) | Giai đoạn 2 (2026 - 2030) | Giai đoạn 3 (sau năm 2030) | |
| 2 | Rà soát, điều chỉnh Kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia. | Bộ Quốc phòng | Các bộ, ngành, địa phương | | x | | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 3 | Rà soát, điều chỉnh kế hoạch phòng thủ dân sự cấp bộ và các cấp địa phương. | Các bộ, ngành, địa phương | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | Thường xuyên | | | Quyết định của Bộ trưởng, Chủ tịch UBND các cấp. |
| 4 | Rà soát, điều chỉnh kế hoạch quốc gia ứng phó: Sự cố tràn dầu; sự cố chất thải; thảm họa động đất, sóng thần. | Bộ Quốc phòng | Các bộ, ngành, địa phương | Thường xuyên | | | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 5 | Sơ kết Kế hoạch thực hiện Nghị định số 81/2019/NĐ-CP ngày 11/11/2019 của Chính phủ về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và kiến nghị xây dựng pháp luật về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. | Bộ Quốc phòng | Các bộ, ngành, địa phương | x | | | Báo cáo của Bộ Quốc phòng |
| 6 | Rà soát, điều chỉnh các kế hoạch quốc gia ứng phó: Tai nạn tàu thuyền trên biển; tai nạn tàu bay dân dụng. | Bộ Giao thông vận tải | Các bộ, ngành, địa phương | x | x | x | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 7 | Xây dựng kế hoạch cấp quốc gia ứng phó thảm họa cháy lớn nhà cao tầng, khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư. | Bộ Công an | Các bộ, ngành, địa phương | x | | | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |

| TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | | | Sản phẩm nhiệm vụ |
|----|---|--|-------------------------------------|----------------------------|---------------------------|----------------------------|---|
| | | | | Giai đoạn 1 (đến năm 2025) | Giai đoạn 2 (2026 - 2030) | Giai đoạn 3 (sau năm 2030) | |
| 8 | Xây dựng kế hoạch cấp quốc gia: Ứng phó sự cố an ninh mạng; bảo vệ an ninh mạng quốc gia. | Bộ Công an | Các bộ, ngành, địa phương | x | | | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 9 | Xây dựng kế hoạch quốc gia ứng phó: Sự cố hóa chất độc; sập đổ hầm lò khai thác khoáng sản; sự cố cháy nổ giàn khoan, đường ống dẫn dầu, khí. | Bộ Công Thương | Các bộ, ngành, địa phương | x | x | | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 10 | Xây dựng kế hoạch dự trữ hạt giống, cây trồng, thuốc phòng, chống dịch bệnh cho vật nuôi, cây trồng. | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các bộ, ngành, địa phương | x | | | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 11 | Rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch phòng chống thiên tai cấp quốc gia và cấp bộ, ngành, địa phương, tập trung vào các tình huống ứng phó: Sự cố vỡ đê, hồ, đập; sự cố cháy rừng; bão, áp thấp, lũ, lụt; lũ quét, lũ ống, sạt, lở đất đá và các loại hình thiên tai khác. | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các bộ, ngành, địa phương | Thường xuyên | | | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 12 | Xây dựng Kế hoạch phòng thủ dân sự theo hướng dẫn mới. | Các bộ, ngành, địa phương | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | x | | | Quyết định của Bộ trưởng, Chủ tịch UBND các cấp |

| TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | | | Sản phẩm nhiệm vụ |
|-----------|---|------------------------------|--|----------------------------|---------------------------|----------------------------|------------------------------------|
| | | | | Giai đoạn 1 (đến năm 2025) | Giai đoạn 2 (2026 - 2030) | Giai đoạn 3 (sau năm 2030) | |
| 13 | Xây dựng kế hoạch cấp quốc gia ứng phó tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa đặc biệt nghiêm trọng. | Bộ Giao thông vận tải | Bộ: Quốc phòng, Công an và các bộ, ngành, địa phương | x | x | | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 14 | Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp quốc gia. | Bộ Khoa học và Công nghệ | Các bộ, ngành, địa phương | | x | | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| VI | NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀO HOẠT ĐỘNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ | | | | | | |
| 1 | Ứng dụng viễn thám phục vụ công tác ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. | Bộ Quốc phòng | Bộ Khoa học và Công nghệ; các bộ, ngành liên quan | x | x | | Đề án |
| 2 | Ứng dụng khoa học công nghệ vào giám sát, quan trắc, cảnh báo thiên tai, ô nhiễm môi trường. | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Các bộ, ngành liên quan | Thường xuyên | | | Đề án, dự án |
| 3 | Ứng dụng công nghệ số, công nghệ viễn thông để tăng cường kết nối, đa dạng hóa các phương thức tiếp cận với người dân để thông tin, cảnh báo các nguy cơ sự cố, thảm họa và phổ biến các kỹ năng cần thiết cho cộng đồng. | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành liên quan | Thường xuyên | | | Đề án, dự án |
| 4 | Nghiên cứu, chuyên gia ứng dụng và phát triển công nghệ phục vụ công tác phòng thủ dân sự. | Bộ Khoa học và Công nghệ | Các bộ, ngành, địa phương | Thường xuyên | | | Đề tài khoa học, Đề án |

| TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | | | Sản phẩm nhiệm vụ |
|------------|---|---------------------------|-------------------------------------|----------------------------|---------------------------|----------------------------|---------------------------------------|
| | | | | Giai đoạn 1 (đến năm 2025) | Giai đoạn 2 (2026 - 2030) | Giai đoạn 3 (sau năm 2030) | |
| 5 | Ứng dụng, khai thác cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dân cư phục vụ công tác hoạch định chính sách, chỉ đạo điều hành; phân tích, số liệu công dân; xác định danh tính, thực hiện an sinh xã hội trong công tác xây dựng, triển khai các phương án khắc phục hậu quả chiến tranh, sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh. | Bộ Công an | Các bộ, ngành, địa phương | | x | | Đề án |
| 6 | Triển khai Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 (theo Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ). | Các bộ, ngành, địa phương | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | x | x | | Các đề án, dự án |
| VII | THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN NÂNG CAO NĂNG LỰC PHÒNG THỦ DÂN SỰ QUỐC GIA | | | | | | |
| 1 | Thành lập Quỹ phòng thủ dân sự trung ương. | Bộ Tài chính | Các bộ, ngành liên quan | x | | | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 2 | Tổ chức bộ máy quản lý Quỹ phòng thủ dân sự trung ương. | Bộ Tài chính | Các bộ, ngành liên quan | x | | | Quyết định của Bộ trưởng |
| 3 | Thành lập Quỹ phòng thủ dân sự cấp tỉnh. | UBND cấp tỉnh | Bộ Tài chính | x | | | Quyết định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh |
| 4 | Tham mưu bố trí dự toán chi ngân sách thường xuyên hằng năm hoặc đột xuất để thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. | Bộ Tài chính | Các bộ, ngành, địa phương | Hằng năm hoặc đột xuất | | | Hướng dẫn của bộ |

| TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | | | Sản phẩm nhiệm vụ |
|----|--|--|--|----------------------------|---------------------------|----------------------------|--|
| | | | | Giai đoạn 1 (đến năm 2025) | Giai đoạn 2 (2026 - 2030) | Giai đoạn 3 (sau năm 2030) | |
| 5 | Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho nhiệm vụ phòng thủ dân sự. | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Các bộ, ngành, địa phương | Thường xuyên | | | Hướng dẫn của bộ |
| 6 | Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch dự trữ quốc gia cho nhiệm vụ phòng thủ dân sự; thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định xuất cấp kịp thời hàng dự trữ quốc gia phục vụ công tác phòng thủ dân sự. | Bộ Tài chính | Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành, địa phương | Hàng năm hoặc đột xuất | | | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 7 | Triển khai thực hiện Đề án “Phát triển, nâng cao năng lực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2045” (theo Quyết định số 535/QĐ-TTg ngày 20/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ). | Các bộ, ngành, địa phương | Bộ Quốc phòng; các bộ, ngành, địa phương liên quan | x | x | x | Kế hoạch của các bộ, ngành, địa phương |
| 8 | Triển khai thực hiện “Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia” (theo Quyết định số 1651/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ). | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các bộ, ngành, địa phương | Thường xuyên | | | Kế hoạch, chương trình của các bộ, ngành, địa phương |
| 9 | Triển khai thực hiện Đề án “Hiện đại hóa ngành Khí tượng Thủy văn đến năm 2025 và thời kỳ 2026 - 2030” (theo Quyết định số 1261/QĐ-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ). | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Các bộ, ngành, địa phương | x | x | | Kế hoạch của bộ |

| TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | | | Sản phẩm nhiệm vụ |
|----|---|---|---|----------------------------|---------------------------|----------------------------|---------------------------------|
| | | | | Giai đoạn 1 (đến năm 2025) | Giai đoạn 2 (2026 - 2030) | Giai đoạn 3 (sau năm 2030) | |
| 10 | Triển khai thực hiện Đề án “Cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam” (theo Quyết định số 1262/QĐ-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ). | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Các bộ, ngành, địa phương | x | x | | Kế hoạch của bộ |
| 11 | Xây dựng trung tâm nghiên cứu, hệ thống dự báo, cảnh báo sự cố, thảm họa do thiên nhiên, môi trường. | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Bộ: Quốc phòng, các bộ, ngành địa phương liên quan | x | x | | Đề án, dự án của bộ |
| 12 | Nghiên cứu triển khai thực hiện chương trình hồ chứa thủy lợi, đê điều, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá. | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các bộ, ngành, địa phương | | x | | Đề án của bộ, ngành, địa phương |
| 13 | Đầu tư trang thiết bị, nâng cao năng lực quan trắc, phân tích xử lý thông tin động đất, cảnh báo sóng thần của Viện Vật lý địa cầu. | Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, các bộ liên quan | Thường xuyên | | | Dự án đầu tư |
| 14 | Quy hoạch và triển khai các khu vực dân cư an toàn, giảm thiểu rủi ro thiên tai cho người dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. | Các địa phương | Các bộ, ngành, liên quan | | x | | Kế hoạch của địa phương |

| TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | | | Sản phẩm nhiệm vụ |
|-------------|---|------------------------------|-------------------------------------|----------------------------|---------------------------|----------------------------|------------------------------------|
| | | | | Giai đoạn 1 (đến năm 2025) | Giai đoạn 2 (2026 - 2030) | Giai đoạn 3 (sau năm 2030) | |
| 15 | Hoàn thành xây dựng hệ thống công trình phòng thủ dân sự thuộc các khu vực rủi ro thiên tai cao; hoàn thành đăng ký, thống kê hệ thống công trình lưỡng dụng; xây dựng và hoàn thiện phương án, kế hoạch khai thác, sử dụng công trình ngầm, công trình dân sinh phục vụ cho nhiệm vụ phòng thủ dân sự khi có tình huống. | Các bộ, ngành, địa phương | Các bộ, ngành liên quan | x | x | | Đề án của bộ, ngành, địa phương |
| 16 | Đầu tư trang thiết bị cho lực lượng phòng thủ dân sự chuyên trách đủ sức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, kết hợp với nâng cao năng lực cho lực lượng tại chỗ, bảo đảm thực hiện tốt phương châm “bốn tại chỗ”. | Các bộ, ngành, địa phương | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | Thường xuyên | | | Đề án của bộ, ngành, địa phương |
| 17 | Triển khai các đề án, dự án, kế hoạch bảo đảm an toàn không gian mạng. | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | Thường xuyên | | | Đề án, dự án của bộ |
| 18 | Triển khai các đề án, dự án, kế hoạch bảo đảm an ninh mạng quốc gia. | Bộ Công an | Các bộ, ngành, địa phương | Thường xuyên | | | Đề án, dự án của bộ |
| VIII | HUẤN LUYỆN, DIỄN TẬP PHÒNG THỦ DÂN SỰ | | | | | | |
| 1 | Chỉ đạo và tổ chức huấn luyện cán bộ, nhân viên làm nghiệp vụ tìm kiếm cứu nạn đường không, đường biển, cứu hộ, cứu nạn tổng hợp. | Bộ Quốc phòng | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | Thường xuyên | | | Kế hoạch của bộ, ngành, địa phương |
| 2 | Chỉ đạo và tổ chức diễn tập phòng thủ dân sự lồng ghép trong diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện. | Bộ Quốc phòng | Các bộ, ngành, địa phương | Thường xuyên | | | Kế hoạch của bộ |

| TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | | | Sản phẩm nhiệm vụ |
|----|--|---|---------------------------|----------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------|
| | | | | Giai đoạn 1 (đến năm 2025) | Giai đoạn 2 (2026 - 2030) | Giai đoạn 3 (sau năm 2030) | |
| 3 | Chỉ đạo và tổ chức diễn tập ứng phó các sự cố, thảm họa xuyên biên giới (tại khu vực biên giới); diễn tập công tác tìm kiếm cứu nạn tàu thuyền trên biển và dưới mặt biển. | Bộ Quốc phòng | Các bộ, ngành, địa phương | Thường xuyên | | | Kế hoạch của bộ |
| 4 | Chỉ đạo và tổ chức tập huấn, diễn tập ứng phó thảm họa cháy lớn nhà cao tầng, khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư có huy động nhiều lực lượng tham gia; diễn tập ứng phó sự cố an ninh mạng. | Bộ Công an | Các bộ, ngành, địa phương | Thường xuyên | | | Kế hoạch của bộ |
| 5 | Chỉ đạo và tổ chức diễn tập thực nghiệm ứng phó với các loại hình thiên tai. | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các địa phương | Thường xuyên | | | Kế hoạch của bộ |
| 6 | Chỉ đạo và tổ chức diễn tập phòng cháy, chữa cháy rừng có huy động nhiều lực lượng tham gia. | Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các bộ, ngành, địa phương | Thường xuyên | | | Kế hoạch của bộ |
| 7 | Chỉ đạo và tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập cho lực lượng y tế theo kịch bản ứng phó với các tình huống khẩn cấp về dịch bệnh. | Bộ Y tế | Các bộ, ngành, địa phương | Thường xuyên | | | Kế hoạch của bộ |

| TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | | | Sản phẩm nhiệm vụ |
|-----------|--|-----------------------------------|---|----------------------------|---------------------------|----------------------------|------------------------------------|
| | | | | Giai đoạn 1 (đến năm 2025) | Giai đoạn 2 (2026 - 2030) | Giai đoạn 3 (sau năm 2030) | |
| 8 | Chỉ đạo và tổ chức diễn tập ứng phó thảm họa ô nhiễm môi trường. | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Các bộ, ngành, địa phương | 01 loại hình/năm | | | Kế hoạch của bộ |
| 9 | Chỉ đạo và tổ chức diễn tập tìm kiếm cứu nạn, an ninh cảng biển, an ninh hàng không và khẩn nguy sân bay. | Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công an | Bộ: Quốc phòng, các bộ, ngành, địa phương | Thường xuyên | | | Kế hoạch của bộ |
| 10 | Chỉ đạo và tổ chức diễn tập ứng phó thảm họa hoá chất độc. | Bộ Quốc phòng | Bộ Công Thương, các bộ, ngành, địa phương | Hàng năm | | | Kế hoạch của bộ |
| 11 | Chỉ đạo và tổ chức diễn tập ứng phó các sự cố, thảm họa phóng xạ, bức xạ và hạt nhân. | Bộ Quốc phòng, UBND cấp tỉnh | Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành liên quan | 01 loại hình/năm | | | Kế hoạch của bộ |
| IX | HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ PHÒNG THỦ DÂN SỰ | | | | | | |
| 1 | Xây dựng các thỏa thuận khung, chương trình hợp tác, các cơ chế phối hợp trong phòng thủ dân sự. | Các bộ, ngành, địa phương | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | Thường xuyên | | | Kế hoạch của bộ, ngành, địa phương |
| 2 | Tham gia các diễn đàn hợp tác quốc tế chia sẻ thông tin cảnh báo, dự báo thảm họa, thiên tai, dịch bệnh, thích ứng biến đổi khí hậu, quản lý nguồn tài nguyên; bảo đảm an ninh môi trường, nguồn nước, lương thực. | Các bộ, ngành, địa phương | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | Thường xuyên | | | Kế hoạch của bộ, ngành, địa phương |

| TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | | | Sản phẩm nhiệm vụ |
|----|--|--|-------------------------------------|----------------------------|---------------------------|----------------------------|------------------------------------|
| | | | | Giai đoạn 1 (đến năm 2025) | Giai đoạn 2 (2026 - 2030) | Giai đoạn 3 (sau năm 2030) | |
| 3 | Tham gia và tổ chức các hoạt động luyện tập, diễn tập song phương, đa phương ứng phó sự cố, thiên tai, thảm họa với các nước, tổ chức quốc tế. | Các bộ, ngành, địa phương | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | Thường xuyên | | | Kế hoạch của bộ, ngành, địa phương |
| 4 | Hợp tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu ứng dụng khoa học, chuyển giao công nghệ sản xuất sản phẩm, phương tiện, trang bị trong lĩnh vực phòng thủ dân sự. | Các bộ, ngành, địa phương | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | Thường xuyên | | | Kế hoạch của bộ, ngành, địa phương |
| 5 | Hợp tác trao đổi kinh nghiệm trong lĩnh vực phòng ngừa, ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm an toàn hoạt động sản xuất và an toàn cuộc sống của người dân. | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các bộ, ngành, địa phương | Thường xuyên | | | Kế hoạch của bộ |
| 6 | Tăng cường hợp tác về y tế trong phòng thủ dân sự. | Bộ Y tế | Các bộ, ngành | Thường xuyên | | | Kế hoạch của bộ |
| 7 | Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tổ chức vận chuyển cấp cứu trong các tình huống khẩn cấp. | Bộ Y tế | Các bộ, ngành, địa phương | Thường xuyên | | | Kế hoạch của bộ |
| 8 | Hợp tác trong xây dựng, phân tích và chia sẻ dữ liệu về dự báo các rủi ro môi trường. | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Các bộ, ngành liên quan | Thường xuyên | | | Kế hoạch của bộ |
| 9 | Hợp tác trong công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; ứng phó sự cố an ninh mạng. | Bộ Công an | Các bộ, ngành liên quan | Thường xuyên | | | Kế hoạch của bộ |
| 10 | Sẵn sàng lực lượng, phương tiện tham gia hoạt động quốc tế hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa. | Bộ Quốc phòng, Bộ Công an | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | Thường xuyên | | | Đề án, dự án của bộ |

| TT | Nội dung | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | | | Sản phẩm nhiệm vụ |
|----------|--|--|-------------------------------------|----------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------|
| | | | | Giai đoạn 1 (đến năm 2025) | Giai đoạn 2 (2026 - 2030) | Giai đoạn 3 (sau năm 2030) | |
| X | SƠ KẾT, TỔNG KẾT VÀ NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN LÝ LUẬN VỀ PHÒNG THỦ DÂN SỰ | | | | | | |
| 1 | Sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự, đề ra định hướng triển khai cho giai đoạn tiếp theo. | Bộ Quốc phòng | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | Định kỳ | | | Kế hoạch của bộ |
| 2 | Nghiên cứu phát triển lý luận về phòng thủ dân sự. | Các cơ quan, đơn vị nghiên cứu, học viện, trường đại học | Các bộ, ngành, địa phương liên quan | Thường xuyên | | | Đề tài nghiên cứu |